

**PHIẾU THU BÀI**

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Diễn viên kịch điện ảnh truyền hình K43B.

Hình thức thi:.....

Ngày thi (kiểm tra): .....

| S<br>TT | Họ và tên             | Số đề | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|---------|-----------------------|-------|-------|-----------|---------|
| 1       | Tô Ngọc Minh Anh      |       |       |           |         |
| 2       | Phạm Hà Trung Anh     |       |       |           |         |
| 3       | Đào Thị Thuỷ Dung     |       |       |           |         |
| 4       | Nguyễn Anh Đức        |       |       |           |         |
| 5       | Lưu Thành Luân        |       |       |           |         |
| 6       | Phan Nguyễn Nhật Linh |       |       |           |         |
| 7       | Bùi Hoàng Mai         |       |       |           |         |
| 8       | Nguyễn Huy Minh       |       |       |           |         |
| 9       | Nguyễn Quang Minh     |       |       |           |         |
| 10      | Trần Thuý Ngọc        |       |       |           |         |
| 11      | Trịnh Hà Mỹ Phương    |       |       |           |         |
| 12      | Nguyễn Vũ Đình Phương |       |       |           |         |
| 13      | Lê Trần Thanh Tâm     |       |       |           |         |
| 14      | Trần Tuấn Thành       |       |       |           |         |
| 15      | Phạm Việt Thành       |       |       |           |         |
| 16      | Phùng Minh Tú         |       |       |           |         |
| 17      | Nguyễn Minh Tuấn      |       |       |           |         |
| 18      | Nguyễn Minh Thuý      |       |       |           |         |
| 19      | Nguyễn Thị Trinh      |       |       |           |         |
|         |                       |       |       |           |         |

**Giảng viên coi thi 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giảng viên coi thi 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Diễn viên kịch điện ảnh truyền hình K43B.

| STT | Họ và tên             | Số phách | Điểm      |            | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|-----------|------------|---------|
|     |                       |          | (Bằng số) | (Bằng chữ) |         |
| 1   | Tô Ngọc Minh Anh      |          |           |            |         |
| 2   | Phạm Hà Trung Anh     |          |           |            |         |
| 3   | Đào Thị Thuý Dung     |          |           |            |         |
| 4   | Nguyễn Anh Đức        |          |           |            |         |
| 5   | Lưu Thành Luân        |          |           |            |         |
| 6   | Phan Nguyễn Nhật Linh |          |           |            |         |
| 7   | Bùi Hoàng Mai         |          |           |            |         |
| 8   | Nguyễn Huy Minh       |          |           |            |         |
| 9   | Nguyễn Quang Minh     |          |           |            |         |
| 10  | Trần Thuý Ngọc        |          |           |            |         |
| 11  | Trịnh Hà Mỹ Phương    |          |           |            |         |
| 12  | Nguyễn Vũ Đình Phương |          |           |            |         |
| 13  | Lê Trần Thanh Tâm     |          |           |            |         |
| 14  | Trần Tuấn Thành       |          |           |            |         |
| 15  | Phạm Việt Thành       |          |           |            |         |
| 16  | Phùng Minh Tú         |          |           |            |         |
| 17  | Nguyễn Minh Tuấn      |          |           |            |         |
| 18  | Nguyễn Minh Thuý      |          |           |            |         |
| 19  | Nguyễn Thị Trinh      |          |           |            |         |
|     |                       |          |           |            |         |

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

Cán bộ khớp điểm

(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa/Trung tâm

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VẤN ĐÁP, THỰC HÀNH

Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...

Môn học: ..... Số TC:.....  
Lớp: Diễn viên kịch điện ảnh truyền hình K43B. Ngày thi (kiểm tra):.....

| STT | Họ và tên             | Số<br>phiếu thi | Điểm tổng nhất của 2 GV |            | Chữ ký<br>SV | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------|-------------------------|------------|--------------|---------|
|     |                       |                 | (Bảng số)               | (Bảng chữ) |              |         |
| 1   | Tô Ngọc Minh Anh      |                 |                         |            |              |         |
| 2   | Phạm Hà Trung Anh     |                 |                         |            |              |         |
| 3   | Đào Thị Thuỳ Dung     |                 |                         |            |              |         |
| 4   | Nguyễn Anh Đức        |                 |                         |            |              |         |
| 5   | Lưu Thành Luân        |                 |                         |            |              |         |
| 6   | Phan Nguyễn Nhật Linh |                 |                         |            |              |         |
| 7   | Bùi Hoàng Mai         |                 |                         |            |              |         |
| 8   | Nguyễn Huy Minh       |                 |                         |            |              |         |
| 9   | Nguyễn Quang Minh     |                 |                         |            |              |         |
| 10  | Trần Thuý Ngọc        |                 |                         |            |              |         |
| 11  | Trịnh Hà Mỹ Phương    |                 |                         |            |              |         |
| 12  | Nguyễn Vũ Đình Phương |                 |                         |            |              |         |
| 13  | Lê Trần Thanh Tâm     |                 |                         |            |              |         |
| 14  | Trần Tuấn Thành       |                 |                         |            |              |         |
| 15  | Phạm Việt Thành       |                 |                         |            |              |         |
| 16  | Phùng Minh Tú         |                 |                         |            |              |         |
| 17  | Nguyễn Minh Tuấn      |                 |                         |            |              |         |
| 18  | Nguyễn Minh Thuý      |                 |                         |            |              |         |
| 19  | Nguyễn Thị Trinh      |                 |                         |            |              |         |
|     |                       |                 |                         |            |              |         |

Giảng viên chấm thi 1  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên chấm thi 2  
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo: .....

Học kỳ: ....., năm học: 20... - 20...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Diễn viên kịch điện ảnh truyền hình K43B.

Hình thức thi:.....

| TT  | Họ và tên sinh viên   | Điểm chuyên cần<br>(Hệ số 1) | Điểm TB kiểm tra<br>(Hệ số 3) | Điểm thi học phần<br>(Hệ số 6) | Điểm tổng kết học phần | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------|
| (1) | (2)                   | (3)                          | (4)                           | (5)                            | (6)                    | (7)     |
| 1   | Tô Ngọc Minh Anh      |                              |                               |                                |                        |         |
| 2   | Phạm Hà Trung Anh     |                              |                               |                                |                        |         |
| 3   | Đào Thị Thuý Dung     |                              |                               |                                |                        |         |
| 4   | Nguyễn Anh Đức        |                              |                               |                                |                        |         |
| 5   | Lưu Thành Luân        |                              |                               |                                |                        |         |
| 6   | Phan Nguyễn Nhật Linh |                              |                               |                                |                        |         |
| 7   | Bùi Hoàng Mai         |                              |                               |                                |                        |         |
| 8   | Nguyễn Huy Minh       |                              |                               |                                |                        |         |
| 9   | Nguyễn Quang Minh     |                              |                               |                                |                        |         |
| 10  | Trần Thuý Ngọc        |                              |                               |                                |                        |         |
| 11  | Trịnh Hà Mỹ Phương    |                              |                               |                                |                        |         |
| 12  | Nguyễn Vũ Đình Phương |                              |                               |                                |                        |         |
| 13  | Lê Trần Thanh Tâm     |                              |                               |                                |                        |         |
| 14  | Trần Tuấn Thành       |                              |                               |                                |                        |         |
| 15  | Phạm Việt Thành       |                              |                               |                                |                        |         |
| 16  | Phùng Minh Tú         |                              |                               |                                |                        |         |
| 17  | Nguyễn Minh Tuấn      |                              |                               |                                |                        |         |
| 18  | Nguyễn Minh Thuý      |                              |                               |                                |                        |         |
| 19  | Nguyễn Thị Trinh      |                              |                               |                                |                        |         |
|     |                       |                              |                               |                                |                        |         |

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

